

TƯ TƯỞNG "ĐỨC - TÀI" CỦA KHỔNG TỬ VÀ TƯ TƯỞNG "HỒNG - CHUYÊN" CỦA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ THANH MAI (*)

Cách đây 35 năm, trước khi đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta bản *Di chúc* quý giá, mang ý nghĩa lý luận sâu sắc đối với việc giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ Việt Nam thành những người tiên phong cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Đó là những người vừa **hồng**, vừa **chuyên**. Có thể nói, Hồ Chủ tịch là người đầu tiên trong lịch sử tư tưởng Việt Nam đưa ra khái niệm về mẫu người "vừa hồng", "vừa chuyên" như là tiêu chuẩn của con người mới xã hội chủ nghĩa. Một mặt, khái niệm này được hình thành không chỉ do đòi hỏi cấp bách và thường xuyên của thời đại; mặt khác, trong nội hàm của nó có sự kế thừa các yếu tố tích cực của triết học phương Đông, mà trong bài viết này, chúng tôi muốn nói tới - học thuyết về mẫu người lý tưởng của Khổng Tử - nhà tư tưởng lớn của Trung Hoa thời cổ đại.

Sống trong thời đại Xuân Thu loạn lạc, được tận mắt chứng kiến những trái ngang của cuộc đời, Khổng Tử đã phải thốt lên rằng, xã hội thời ông lâm vào tình trạng "lễ hoại, nhạc băng" (lễ nhạc đã bị huỷ hoại). Trần trửu kiếm tìm nguyên nhân của sự suy đồi trong xã hội, Khổng Tử nhận thấy rằng, tất cả đều do con người không có đạo đức (vô đạo) mà ra. Chính vì vô đạo nên xã hội mới đại loạn, mới không có trật tự trên dưới. Nguyễn

vọng thiết tha của Khổng Tử là đưa xã hội quay trở về thời Nghiêu Thuấn - thời đại thái bình thịnh trị đến mức lý tưởng. Ở đó, nhà cửa không cần phải khoá, vật rơi không ai nhặt. Đó là thời vua thánh - tôi hiền, cai trị bằng đạo đức chứ không phải bằng bạo lực.

Để đưa xã hội quay trở lại thời đại hoàng kim ấy, Khổng Tử đã coi đạo đức như một phương tiện hữu hiệu nhất. Với tâm thế luôn đề cao pháp cổ, pháp tiên vương (bắt chước đời xưa và các ông vua hiền thời thượng cổ) và hết lời ngợi ca những người sống có đạo đức, Khổng Tử đã đưa ra mẫu người lý tưởng về đạo đức (người toàn thiện). Theo Khổng Tử, đức lớn mà người quân tử cần phải có bắt nguồn từ Trời. Trời vốn không tư lòng, đã phú cho con người cái nhân tính cao đẹp, vì tập tính xã hội mà con người khác xa nhau. Sự cách biệt đó là do "hàm lượng" nhân tính mà trời phú còn lại trong mỗi con người không giống nhau. Trong suy nghĩ của Khổng Tử, người nào giữ được nhân tính trời phú, không ngừng tu dưỡng để trở thành người có khả năng thực hiện sứ mệnh thi hành ý trời, đáng không để những người "đã đánh mất" nhân tính trời phú làm loạn là mẫu người lý tưởng - bậc quân tử. Như vậy, đức của người quân tử,

(*) Thạc sĩ triết học, giảng viên Trường Đại học Văn hoá, Hà Nội.

còn gọi là đức lớn mà Khổng Tử nêu ra trong học thuyết của mình vừa là mục đích, vừa là phương pháp để con người tu dưỡng bản thân. Từ đó, ông dành cả cuộc đời mình để đào tạo người quân tử, coi đó như một động lực hữu hiệu để níu kéo chế độ nhà Chu đang trên đà suy sụp.

Trong học thuyết của mình, trước hết, Khổng Tử đặc biệt nhấn mạnh đến các phẩm chất đạo đức và quy chúng thành những tiêu chuẩn cơ bản, đó là *Nhân, Trí, Dũng*. Trong đó, nhân đóng vai trò căn bản, cốt lõi. Khi Phàn Trì hỏi về người nhân, Khổng Tử nói: “[Đó là người biết] yêu người”. Hỏi về người trí, ngài bảo: “[Đó là người] biết người”. (Phàn Trì vấn nhân, Tử viết: “Ái nhân”. Vấn trí, Tử viết: “Tri nhân”) [Luận ngữ, XII, 21](1).

Chữ nhân trong học thuyết của Khổng Tử phản ánh mối quan hệ xã hội sâu sắc, bao hàm nhiều nghĩa mà trước hết là đạo *trung thứ*: điều gì mình muốn đạt thì cũng làm cho người khác cùng đạt (phù nhân giả, kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân), điều gì mình không muốn thì không nên làm cho người khác (kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân). Đó là thái độ ứng xử thiện tâm, biết suy ta ra người để yêu thương người, giúp đỡ người và quan trọng hơn, là không hại người. Tăng Tử, một học trò giỏi của Khổng Tử đã khẳng định với các bạn học của mình rằng, “Đạo của thầy chỉ tóm tắt ở một điều “trung thứ mà thôi” (Phu tử chi đạo, trung thứ nhi dĩ hĩ) [Luận ngữ, IV, 15]. Chúng ta thấy, tư tưởng trung thứ của Khổng Tử mang ý nghĩa nhân văn cao cả. Trong thế giới hiện đại mà chúng ta đang sống, nếu mọi người biết yêu thương nhau, hiểu nhau và biết khoan dung như tư tưởng của Khổng Tử nêu ra cách đây 2500 năm, thì làm gì có các cuộc chiến tranh phi nghĩa, có sự

phân hoá giàu nghèo đến cực độ đang diễn ra trên trái đất này.

Khi nói về mối quan hệ giữa *nhân* và *trí*, Khổng Tử cho rằng, “Người nhân an vui với điều nhân. Khéo biết lợi dụng lòng nhân để đem lại lợi ích cho mọi người thì gọi là trí mà thôi” (Nhân giả an nhân, trí giả lợi nhân) [Luận ngữ, IV, 2]. Nói “người nhân” để xử vào cảnh nghèo túng, “người trí” để xử vào cảnh lạc thú. Như vậy, nhờ có trí người quân tử mới phân biệt được đúng sai, phải trái, mới biết cách đối xử có nhân, có lòng dũng cảm để làm tròn đạo lý. Khổng Tử cũng nhấn mạnh rằng, nếu không có trí thì nhân cũng không thực hiện được.

Biết người là biểu hiện của trí năng con người. Việc con người biết yêu thương đồng loại của mình, coi người cũng như mình là do đều có điểm xuất phát chung - cùng bắt thụ từ một “Khí” và là một trong ba bộ phận cấu thành quan trọng của vũ trụ - tam tài (Thiên, Địa, Nhân). Tuy nhiên, nhận thức về con người trong học thuyết của Khổng Tử không thể đi xa hơn, không thể đạt tới trình độ bản thể luận mà chỉ dừng lại ở năng lực ứng xử trong phạm vi “Ngũ luân” - năm mối quan hệ: Vua - tôi, Cha - con, chồng - vợ, Anh - em, Bè - bạn; lấy đối tượng “gia đình” làm hạt nhân, nền tảng cho các quan hệ khác. Có thể nói, tài trí mà Khổng Tử muốn đề cập tới là năng lực ứng xử theo các quan hệ đẳng cấp nhất định. Điều đó đòi hỏi người quân tử phải biết mệnh, chính danh để trở thành người cầm quyền.

Khổng Tử đã coi năng lực trị quốc xuất phát từ khả năng tự hoàn thiện (tu thân)

(1) Từ đây trở đi, chữ trong móc chỉ tác phẩm *Luận ngữ* của Khổng Tử, số La Mã chỉ chương, số Ảp chỉ bài.

của người quân tử. Ông nói rằng, "Lấy đức để làm việc chính trị cũng ví như ngôi sao Bắc thần, ở yên vị mà các ngôi sao khác đều châu về" (Vi chính dĩ đức, thí như Bắc thần cư kỳ sở, nhi chúng tinh cùng chi) [Luận ngữ, II, 1]. Quan điểm chính trị mà Khổng Tử đề ra là "hữu vi", đối lập với quan điểm "vô vi" của Lão Tử. Nếu Lão Tử cho rằng, "Chính trị của thánh nhân là làm cho dân lòng thì hư tĩnh, bụng thì no, tâm chí thì yếu, xương cốt thì mạnh. Khiến cho dân không biết, không muốn, mà bọn trí xảo không dám hành động. Theo chính sách vô vi thì mọi việc đều trị" (Thị dĩ thánh nhân chi trị, hư kỳ tâm, thực kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt. Thường sử dân vô tri vô dục, sử phù trí giả bất cảm vi dã. Vi vô vi, tắc vô bất trị) [Đạo Đức kinh, chương 3] thì theo Khổng Tử, để có năng lực trị quốc, con người phải trải qua một quá trình học tập, tu dưỡng. Trong chương 1, sách *Đại học*, phần Kinh văn có ghi chép lời của Khổng Tử như sau: "Sự vật được nghiên cứu kỹ thì sau sự hiểu biết mới tới. Hiểu biết thấu đáo thì sau ý nghĩ mới thành thật. Ý nghĩ thành thật thì sau tâm mới ngay thẳng. Tâm ngay thẳng thì sau bản thân mới tu sửa. Thân tu sửa thì sau nhà mới ngăn nắp. Nhà ngăn nắp thì sau nước mới trị an. Nước trị an thì sau thiên hạ mới thái bình" (Vật cách nhi hậu tri chí. Tri chí hậu ý thành. Ý thành nhi hậu tâm chính. Tâm chính nhi hậu thân tu. Thân tu nhi hậu gia tề. Gia tề nhi hậu quốc trị. Quốc trị nhi hậu thiên hạ bình). Như vậy, chủ trương của Khổng Tử là "làm sáng cái đức sáng" để thi hành đường lối đức trị. Ở đây, chúng ta tìm thấy sự thống nhất của hai nhà tư tưởng vĩ đại này về quan điểm chính trị. Đó là sự hạn chế đến mức tối đa những mệnh lệnh, những quy định hà

khắc. Theo Khổng Tử, "Dùng chính lệnh để dẫn dắt dân, dùng hình pháp để giữ trật tự, dân tránh khỏi tội nhưng chưa biết hổ thẹn. Dùng đức để dẫn dắt, dùng lễ để giữ trật tự, dân biết hổ thẹn mà tiến tới chỗ tốt lành" (Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, dân miễn nhi vô si. Đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu si thả cách) [Luận ngữ, II, 3]. Người quân tử muốn có đức sáng, đức lớn phải hết sức nỗ lực tu dưỡng bản thân, trước hết thành người có nhân, có trí. Có nhân, có trí thì người quân tử mới đủ khả năng thi hành đạo nghĩa. Nói cách khác, nhân và trí là tiền đề để người quân tử dũng cảm hành động hợp với đạo nhân nghĩa, không bị nhầm lẫn trong hành động. Khổng Tử nói rằng, "Người quân tử lấy đạo nghĩa làm căn bản, dùng lễ để thi hành, biểu lộ bằng đức khiêm tốn, hoàn thành nhờ chữ tín. Quân tử vậy thay!" (Quân tử nghĩa dĩ vi chất, lễ dĩ hành chi, tín dĩ xuất chi, tín dĩ thành chi. Quân tử tai) [Luận ngữ, XV, 17].

Khổng Tử quan niệm về dũng như là lòng dũng cảm, xả thân vì việc nghĩa. Khổng Tử cho rằng, để là người nhân thì cần phải có dũng, bởi nếu không có lòng dũng cảm thì không thể giúp người được, không thể thực hiện được mục đích của mình. Tuy vậy, ông cũng cho rằng, người có dũng chưa chắc đã phải là người nhân. Quan tâm đến dũng nhưng Khổng Tử vẫn nhấn mạnh đến nhân nghĩa. Tử Lộ hỏi: Người quân tử có quý trọng dũng không? Khổng Tử trả lời: "Người quân tử quý trọng điều nghĩa hơn. Người quân tử có dũng mà không có nghĩa thì làm loạn. Kẻ tiểu nhân có dũng mà không có nghĩa thì làm trộm cướp" (Tử Lộ vấn: "Quân tử thượng dũng hồ?" Tử viết: "Quân tử nghĩa dĩ vi thượng. Quân tử hữu dũng nhi vô nghĩa vi loạn. Tiểu nhân hữu dũng nhi vô

nghĩa vi đạo”) (Luận ngữ, XVII, 22). Điều đó chứng tỏ rằng, dù trong tư tưởng của Khổng Tử thuộc nội hàm của khái niệm đạo đức – tinh thần, chứ không phải dựa vào sức mạnh cơ bắp.

Khi bàn đến “đức” và “tài” trong mẫu người lý tưởng – người quân tử, Khổng Tử đặc biệt nhấn mạnh đến mặt đức (nhân), còn về mặt tài (trí) thì ông có bàn đến nhưng vẫn còn mờ nhạt. Có thể nói, quan niệm về [tài] trong tư tưởng của Khổng Tử mang tính phiến diện, bởi ông chỉ dừng lại ở tài trị nước, tức là tài của người có chức, có quyền.

Trí, trong văn cảnh mà chúng ta đang nói tới được hiểu là tài trí, theo Khổng Tử, không phải là kiến thức về khoa học, kỹ thuật, công nghệ, mà là sự hiểu biết về đạo thánh hiền, làm theo giáo huấn của bề trên. Trí ở đây chỉ thuần túy về mặt sách vở giáo điều, chưa phải là những tri thức phản ánh tính tất yếu khách quan của tự nhiên và xã hội, để từ đó đưa lại sự tự do cho hành động của con người. Theo Khổng Tử, để có được trí, con người phải tu dưỡng theo lối “khắc kỷ phục lễ vi nhân”, là vui thích với lục nghệ (ngự, xạ, thư, số, lễ, nhạc). Nội dung của trí chỉ gói gọn trong các kinh điển của người xưa (Thi, Thư, Lễ, Dịch và Xuân Thu). Khổng Tử muốn nhà cai trị trở thành sao Bắc đẩu, song ngôi sao đó chỉ tỏa sáng trên bầu trời đức trị, không trực tiếp dẫn dắt dân trên con đường giàu có về vật chất, mạnh về tinh thần. Khi Phàn Trì xin học về nghề trồng lúa, Khổng Tử nói: “Ta không bằng ông lão nhà nông”. Xin học nghề làm vườn, Khổng Tử nói: “Ta không bằng ông lão làm vườn”. Phàn Trì ra khỏi, Khổng Tử nói: “Tiểu nhân thay người Phàn Tu! Người trên chuộng lễ, ắt dân chẳng ai dám không cung kính, người trên

chuộng nghĩa, ắt dân chẳng ai dám không phục, người trên chuộng chữ tín, ắt dân chẳng ai dám không thật lòng. Nếu đã như vậy, ắt dân chúng bốn phương điu con bông cái theo về. Cần gì phải học cày cấy” (Phàn Trì thỉnh học giá, Tử viết: “Ngô bất như lão nông” Thỉnh học vi phố, viết: “Ngô bất như lão phố”. Phàn Trì xuất, Tử viết: “Tiểu nhân tai Phàn Tu dã! Thượng hiếu lễ, tắc dân mạc cảm bất kính, thượng hiếu nghĩa tắc dân mạc cảm bất phục, thượng hiếu tín tắc dân mạc cảm bất dụng tình. Phù như thị tắc tứ phương chi dân cường phụ kỳ tử nhi chí hĩ. Yên dụng giá?) [Luận ngữ, XIII, 4]. Quan điểm của Khổng Tử mang tính đẳng cấp khắc nghiệt, cho công việc làm ruộng, làm vườn là nghề của kẻ tiểu nhân. Trong tư tưởng của Khổng Tử, quân tử là kẻ cầm quyền, có sức mạnh như gió thổi rạp cỏ (tiểu nhân - dân chúng).

Không chỉ là nhà tư tưởng lớn, Khổng Tử còn là một nhà giáo, một người thầy đã được nhân dân Trung Hoa tôn vinh là bậc “chí thánh tiên sư, vạn thế sư biểu”. Cả cuộc đời Khổng Tử phấn đấu cho lý tưởng đạo đức của mình. Ông luôn giáo dục các học trò tu tâm dưỡng tính, đồng thời kêu gọi các bậc vua chúa cần phải “tu thân”, sửa đức theo gương những bậc vua thánh thời xưa như vua Nghiêu, vua Thuấn. Bản thân Khổng Tử cũng là một tấm gương về người có đức. Thế nhưng, cũng có lúc Khổng Tử đã phải thốt lên rằng: “Ta chưa hề thấy người thật lòng ham thích điều nhân, cũng như chưa thấy người thật lòng ghét điều bất nhân. Ham thích điều nhân là coi điều nhân trên hết, không gì hơn được. Ghét điều bất nhân thì trong lúc làm điều nhân chẳng để điều bất nhân vướng vào thân. Có ai trọn ngày ra sức làm điều nhân chẳng? Ta chưa hề

thấy người nào không đủ sức để làm điều nhân. Hoặc có đấy, ta chưa được thấy tận mắt” (Ngã vị kiến hiếu nhân giả, ố bất nhân giả. Hiếu nhân giả vô dĩ thượng chi. ố bất nhân giả, kỳ vi nhân hĩ, bất sử bất nhân gia hồ kỳ thân. Hữu năng nhất nhạ dụng lực ư nhân hĩ hồ? Ngã vị kiến lực bất túc giả. Cái hữu chi hĩ, ngã vị chi kiến giả) [Luận ngữ, IV, 6].

Những lời than phiền của Khổng Tử cho thấy, ông đã bất lực trong việc xây dựng mẫu người quân tử. Lý tưởng về một mẫu người "toàn thiện" mà ông dày công xây dựng chỉ là không tưởng. Bởi xã hội thời ông sống đầy bất công, mọi trật tự xã hội đã bị đảo lộn, chiến tranh liên miên. Người ta tranh giành đất đai và quyền lực mà bất chấp tất cả đến nỗi khi chứng kiến những cảnh đó, Mạnh Tử đã nói rằng: đánh nhau giành đất, thầy chết thầy chết. Đánh nhau giành thành thầy chết thầy chết. Chính vì vậy, Khổng Tử luôn hoài niệm về cái thời xa xưa của Tam hoàng, Ngũ đế. Ông mong muốn thời xưa ấy tái hiện trong thời đại của ông, mong những "vua thánh tôi hiền" lại xuất hiện ở thời Xuân Thu Chiến quốc, nhưng điều này khó có được và có chăng nữa thì cũng rất hiếm! Vậy nguyên nhân nào đã làm cho lý tưởng của Khổng Tử chỉ là không tưởng? Trước hết, đó là vì những chuẩn mực đạo đức của mẫu người lý tưởng - quân tử mà ông xây dựng xa rời thực tế. Thứ hai, mẫu người lý tưởng đó thuộc số ít trong giới quý tộc, một đẳng cấp vốn coi thường nhân dân, sống trên sự lam lũ khổ cực của người dân. Khổng Tử dạy học trò của mình rằng, "... Làm nghề cấy ruộng đôi khi gặp cảnh đói khó. Chịu khó học hành ắt được hưởng lộc. Người quân tử chỉ lo âu về đạo lý, chẳng lo âu chuyện nghèo khó" (Canh dã, nổi tại kỳ trung hĩ. Học dã, lộc tại kỳ trung hĩ. Quân tử ưu đạo, bất ưu

bần) [Luận ngữ, XV, 31]. Trong tâm niệm của Khổng Tử, để trở thành nhà cầm quyền, người quân tử phải ra sức học tập, xin nhấn mạnh thêm, sự học đó là học cách trị người, để khi thành đạt, được hưởng lộc từ mồ hôi nước mắt của dân, song chỉ tạ ơn trời đã ban phát chứ không phải "bổng lộc" từ cuộc sống trần thế. Ông chưa tìm được con người gắn bó với thực tiễn, lẫn lộn trong hoạt động thực tiễn xã hội. Con người tài (có trí) - đức (có nhân) mà ông xây dựng mới chỉ dừng lại ở mặt lý thuyết chứ chưa thành hiện thực. Đó chính là mặt hạn chế trong tư tưởng của Khổng Tử nói riêng cũng như ở nhiều nhà triết học trước C.Mác nói chung.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình và quê hương có truyền thống Nho học, Hồ Chí Minh đã kế thừa những yếu tố tích cực và loại bỏ những mặt còn hạn chế của quan điểm đạo đức của Nho giáo nói chung và của Khổng Tử nói riêng.

Hồ Chí Minh đã nhiều lần nói và viết về vị trí và vai trò của đạo đức đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta. Ngay từ những ngày đầu của Cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã nêu lên ý nghĩa cực kỳ quan trọng của việc tu dưỡng đạo đức ở những người chiến sĩ cộng sản: "Mọi việc thành hay bại, chủ chốt là do cán bộ có thấm nhuần **đạo đức cách mạng** hay là không" (chữ in đậm do chúng tôi nhấn mạnh - N.T.T.M)(2).

Trong quá trình lãnh đạo nhân dân làm cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, Người vẫn luôn nhắc nhở mọi người phải thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng, chống những biểu hiện tiêu cực về đạo đức. Chính vì vậy, khác với Khổng Tử, nhà tư tưởng Trung Quốc cổ

(2) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.7. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 480.

đại muốn xây dựng mẫu người lý tưởng – người quân tử dưới lăng kính của tầng lớp quý tộc, Hồ Chí Minh đề ra chủ trương đào tạo, giáo dục thế hệ trẻ Việt Nam thành những người “vừa *hồng* vừa *chuyên*”.

Trong *Di chúc* để lại cho toàn Đảng và nhân dân ta, Hồ Chí Minh có căn dặn: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “*hồng*” vừa “*chuyên*”.

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”(3).

Trước hết, theo Hồ Chí Minh, “*Hồng*” là chuẩn mực, phẩm cách đạo đức của con người, là yếu tố hình thành nên nhân cách của mỗi người. Khi nói về đạo đức của người cách mạng, Hồ Chí Minh đã kế thừa những phạm trù đạo đức của Khổng Tử như nhân, trí, dũng, trung, hiếu, liêm, v.v., nhưng Người đã đưa vào nội hàm các khái niệm ấy nội dung mới. *Nhân* ở Hồ Chí Minh là lòng yêu thương vô hạn đối với Tổ quốc và nhân dân, với độc lập tự do của mỗi dân tộc và hạnh phúc của mỗi con người. *Nhân* ở Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân văn cao cả, mang ý nghĩa toàn nhân loại. Điều này Khổng Tử chưa thể đạt được, bởi ông không thoát được nhãn quan của tầng lớp quý tộc phong kiến. Đức nhân mà Khổng Tử nói tới chỉ là lòng yêu thương con người ở trong cùng đẳng cấp, yêu thương người thân, nó chỉ nằm trong khuôn khổ của đạo đức phong kiến. Nếu trung, hiếu ở Khổng Tử là trung với vua, với một triều đại, hiếu chỉ là với cha mẹ,

thì ở Hồ Chí Minh *trung* là trung với nước, *hiếu* là hiếu với nhân dân và *dũng* là thể hiện ý chí cách mạng, lòng quyết tâm thực hiện lý tưởng độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội, không sợ khó khăn gian khổ, không sợ hy sinh trong đấu tranh cách mạng với tinh thần: “Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”. Thước đo người “*hồng*” không phải dựa vào tấm thẻ đảng hay những lời nói hoa mỹ, mà phải được thể hiện thông qua những hành vi cụ thể, không nề hà hy sinh bản thân mình để cứu người trong những trường hợp thiên tai địch họa, hoặc bớt một chút lương hưu để góp quỹ vì người nghèo, v.v.. “Người *Hồng*” trong tư tưởng Hồ Chí Minh là đầy tớ tận tụy của nhân dân, chứ không phải lấn át dân như gió làm rạp cỏ, thâm nhập vào dân, đồng cam cộng khổ với nhân dân chứ không phải làm quan để “*hưởng lộc*” như quan niệm của Khổng Tử.

Chuyên ở đây là nói đến “*tài, trí*” của con người

Trí theo tư tưởng Hồ Chí Minh là hiểu biết, khả năng nhận thức đúng quy luật của tự nhiên cũng như của xã hội. *Trí* là sự mưu trí và sáng tạo trong việc giải quyết những công việc trong hoạt động thực tiễn, là biết thiên biến vạn hoá, biến nguy thành yên... Theo Người, thước đo trình độ chuyên môn của mỗi người không phải ở tấm bằng cao hay thấp, nhiều hay ít, mà chính là ở hiệu quả của công việc được phân công. Trong xã hội hiện đại, khi cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang phát triển một cách nhanh chóng, khi tri thức đã trở thành nhân tố quan trọng của nền kinh tế thị trường dưới tên

(3) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.12, tr.491.

gọi "kinh tế tri thức", thì yêu cầu con người có trí tuệ mà Hồ Chí Minh quan niệm càng trở nên cần thiết.

Mẫu người lý tưởng mà Hồ Chí Minh muốn xây dựng là mẫu người "vừa hồng, vừa chuyên" (vừa có đức lại vừa có tài). Đó là con người mới xã hội chủ nghĩa, là người cách mạng. Ở đây, tư tưởng của Khổng Tử và Hồ Chí Minh có điểm giao thoa, tương đồng nhau về mặt hình thức, song lại có sự khác nhau về chất. Nếu quan điểm của Khổng Tử là không tưởng, xây dựng hình mẫu người lý tưởng xa thực tế, thì mẫu người "vừa hồng, vừa chuyên" của Hồ Chí Minh được xây dựng trên cơ sở của thực tiễn xã hội, xuất phát từ nhiệm vụ cụ thể của cách mạng xã hội: xoá bỏ xã hội cũ lạc hậu, xây dựng xã hội mới phù hợp với tính tất yếu của lịch sử nhân loại - xã hội xã hội chủ nghĩa. Nếu Khổng Tử chỉ đưa ra những chuẩn mực về đức - tài chung chung cho mẫu người lý tưởng, đặt đức lên trên tài, thì ở Hồ Chí Minh, những tiêu chuẩn ấy được thể hiện một cách chân thực, cụ thể: tùy theo lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp.

Trong mối quan hệ giữa tài và đức, Hồ Chí Minh đã khẳng định đạo đức giữ vai trò nền tảng. Yêu cầu đầu tiên của người cách mạng là phải có đạo đức cách mạng (Hồ Chí Minh gọi đạo đức cách mạng là để phân biệt với đạo đức phong kiến, đạo đức cũ, đồng thời cũng khác với tư tưởng cải lương của Khổng Tử về đạo đức). Vì sao Hồ Chí Minh lại coi đức là nguồn, là gốc của người cách mạng? Bởi, theo lý giải của Người: "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không

có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân"(4).

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng đầy khó khăn, lâu dài và gian khổ, do đó, đòi hỏi con người phải có ý chí, quyết tâm, có sức mạnh. "Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi xa". Sức là sự tổng hoà của đạo đức và năng lực chuyên môn. Đạo đức là động lực bên trong thúc con người hành động; tài, trí là phương tiện của hành động, có nó thì hành động mới chính xác, có hiệu quả. Tài được hiểu theo nghĩa rộng đó là toàn bộ năng lực nói chung và bất kỳ công việc gì cũng đòi hỏi phải có năng lực thì mới có kết quả. Nếu chỉ có thiện tâm (đức), mà không có tài thì không thể thực hiện được thiện tâm ấy. Chính vì lẽ đó, bên cạnh việc coi trọng đức như của truyền thống phương Đông, xem đạo đức là nền tảng, là gốc của con người và nhất là người cách mạng, Hồ Chí Minh đã không quên mặt thứ hai cần thiết và quan trọng ở mỗi con người, đó là tài. Người viết: "Có đức không có tài như ông bụt ngồi trong chùa, không giúp gì được ai"(5).

Do vậy, trọng đức, nhưng Hồ Chí Minh đồng thời cũng quý tài. Theo Người, tài năng của con người được thể hiện ở chỗ nắm được quy luật và biết vận dụng quy luật trong hoạt động thực tiễn để cải tạo hiện thực (đây là điểm khác biệt căn bản giữa tư tưởng Khổng Tử và Hồ Chí Minh). Từ đó, Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi người phải rèn đức, luyện tài, phải học tập chuyên cần, phải đào sâu suy nghĩ, phải học hỏi lẫn nhau: Dạy cũng như học phải chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức

(4) Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.4, tr.252, 253.

(5) Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.9, tr. 492.

cách mạng. Đó là cái gốc rất quan trọng. Nếu không có đạo đức cách mạng thì có tài cũng vô dụng.

Đức - Tài có quan hệ biện chứng, tác động qua lại với nhau. "Ta là cán bộ chuyên môn, có chuyên môn mà không có chính trị giỏi thì dù học giỏi mấy dạy trẻ con cũng hỏng. Chính trị là linh hồn, chuyên môn là cái xác. Có chuyên môn mà không có chính trị thì chỉ còn là cái xác không hồn. Phải có chính trị trước rồi có chuyên môn". Người giải thích thêm: "Nói tóm lại, chính trị là đức, chuyên môn là tài. Có tài mà không có đức là hỏng. Có đức mà chỉ i tờ thì dạy thế nào? Đức phải có trước tài"(6). Mệnh đề đức phải có trước tài không có nghĩa là coi thường tài năng mà chúng là điều kiện cho nhau. Điều này không hoàn toàn trùng hợp với tư tưởng của Khổng Tử. Bởi sống trong thời đại bùng nổ của cách mạng khoa học, Hồ Chí Minh hiểu rằng, các phát minh khoa học không chỉ thúc đẩy, nâng cao năng suất lao động và được ứng dụng trong đời sống nhân loại, mà còn gây ra nhiều thảm hoạ khôn lường (vũ khí hạt nhân từng gây hậu quả nghiêm trọng ở Nhật Bản trong Thế chiến thứ hai và vũ khí hoá học ở Việt Nam, v.v.). Nhà khoa học dù lỗi lạc đến đâu, nếu không có đạo đức làm nền tảng thì kết quả phát minh của họ thường trở nên phản giá trị, chống lại sự tồn tại và phát triển bền vững của nhân loại.

Đức và tài là hai mặt không thể thiếu trong mỗi con người. Cho nên, trong quan niệm đạo đức của mình, Hồ Chí Minh đòi hỏi mọi người phải đồng thời rèn luyện bản thân cả về đạo đức lẫn tài năng. Người yêu cầu Đảng phải chú trọng đào tạo, xây dựng một mẫu người mới: **vừa hồng, vừa chuyên**.

Thông qua việc so sánh quan điểm về “Đức – Tài” của nhà triết học vĩ đại Trung Hoa cổ đại – Khổng Tử, và danh nhân văn hoá thế giới, nhà hoạt động cách mạng lỗi lạc của Việt Nam - Hồ Chí Minh, chúng ta thấy, quan điểm đó được phát triển qua một quá trình lịch sử lâu dài, có sự kế thừa biện chứng tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của xã hội. Mỗi quan hệ đó từ chỗ chỉ đề cao “đức”, xem “tài” là thứ yếu ở Trung Hoa cổ đại, đến khi sang Việt Nam, nó từng bước được thay đổi theo xu hướng tiến bộ. Nguyễn Trãi cũng đề cao đức, song “đức” cũng chỉ hơn tài “một ít” và được ông khái quát thành mệnh đề nổi tiếng: “Có nhân, có trí, có anh hùng”; còn Lê Quý Đôn, nhà bách khoa toàn thư trong lịch sử Việt Nam thì cho rằng, để bộ máy nhà nước được vững mạnh, cần chú ý lựa chọn nhân tài. Theo Lê Quý Đôn, nhà cầm quyền phải vừa có tài, vừa có đức. Tuy nhiên, “đức” và “tài” trong tư tưởng của Lê Quý Đôn có nội hàm hẹp hơn so với “hồng” và “chuyên” trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới của đất nước, trong quá trình phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, tư tưởng về việc xây dựng con người mới “vừa hồng, vừa chuyên” - vừa có đức, vừa có tài mà Hồ Chí Minh chủ trương vẫn còn nguyên giá trị về mặt lý luận và thực tiễn cấp bách. Định hướng giáo dục, đào tạo con người cách mạng với phẩm chất nói trên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn trước khi đi xa vừa trở thành mục tiêu, vừa là mệnh lệnh tối cao cho toàn thể dân tộc ta. □

(6) Hồ Chí Minh. *Về đạo đức* (tập trích). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.344 - 345.